| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-08-2022
*"V/v tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Kha
2. Ông Đào Xuân Nhi
- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Nga – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022.

- **Nguyên đơn**: Bà Bùi Thị V – SN: 1985; Trú tại: Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn T – SN: 1984; Trú tại: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

**NHẬN THẤY:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày:***

Bà V và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau không ai ép buộc, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "Nay là Thành phố Đ", tỉnh Bình Phước vào năm 2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2012 thì P sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cải nhau, bà V và ông T đã ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay; Bà V và con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 chuyển về quê địa chỉ tại Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định sinh sống cho đến nay; Đối với ông T thì sinh sống tại số 13/1239, hẻm 1239 P, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà V yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà V và ông T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011.

Từ khi bà V và ông T sống ly thân cho đến nay thì cháu P ở với bà V, do đó bà V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2022 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày.***

*Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất và đồng ý như lời trình bày của bà V về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì P sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình dẫn đến vợ chồng hay cải nhau. Ông T và bà V đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Nay bà V yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông chưa đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Do ông T không đồng ý ly hôn với bà V nên ông không có ý kiến gì về con chung.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:* Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Bùi Thị V đứng đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn T trú tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, vào ngày 09 tháng 7 năm 2022 nguyên đơn bà Bùi Thị V và bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V, ông T.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời trình bày của bà V, ông T và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà V và ông T kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "Nay là Thành phố Đ", tỉnh Bình Phước Căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T*; Cả bà V và ông T đều thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau thì P sinh nhiều mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình dẫn đến vợ chồng hay cải nhau, do bất đồng quan điểm trong lối sống nên ông bà đã không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Mặc dù ông T chưa đồng ý ly hôn với bà V, tuy nhiên bà V cương quyết được ly hôn với ông T, mặt

khác bà cũng không còn tình cảm với ông T do thời gian bà và ông T ly thân với nhau quá dài. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà V và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không được duy trì nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[5]. *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà V và ông T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011. Bà V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu P có nguyện vọng được ở với bà V, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống của cháu P cần giao cháu P cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Bà Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V về việc "*Tranh chấp ly hôn"***

**Tuyên xử:**

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (Bà V và ông T kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011 của Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước).

**2.** Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

**3**. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004451 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài; Bà V đã nộp đủ án phí.

**4**. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- UBND phường T
TP. Đ, T. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Hoàng Hữu Bình**